

Số: 1077/GPMT-SNNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

Theo ý kiến của Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường cơ sở “Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2)” tại địa chỉ số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh của Bệnh viện Truyền máu Huyết học kiểm tra ngày 10 tháng 2 năm 2026;

Xét Văn bản số 446/BV-TMHC-HCQT ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Bệnh viện Truyền máu Huyết học về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2)” tại địa chỉ số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh và hồ sơ kèm theo;



Handwritten signature

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 359/TTr-CCBVMT-TTMT ngày 05 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện Truyền máu Huyết học, địa chỉ trụ sở tại số 118 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2)” địa chỉ số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2).

1.2. Địa điểm hoạt động: số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Quyết định số 3496/QĐ-UB ngày 26 tháng 08 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép đổi tên Trung tâm Truyền máu – Huyết học thành Bệnh viện Truyền máu Huyết học trực thuộc Sở Y tế thành phố; Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 04174/HCM-GPHĐ ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Mã số thuế: 0304251703.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Bệnh viện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích khu đất: 21.025,16 m².

- Cơ sở có tiêu chí phân loại dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hạng mục công trình: gồm 02 khối nhà, trong đó khối nhà chính cao 06 tầng và 01 tầng hầm bố trí các phòng, khoa khám chữa bệnh; khối nhà phụ trợ cao 1 tầng, bố trí các hạng mục công trình phụ trợ và các hạng mục công trình phụ trợ khác.

- Công suất: 300 giường bệnh.

(Theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Chủ cơ sở)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Thư

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Truyền máu Huyết học:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Truyền máu Huyết học có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

2.6. Giấy phép môi trường này được cấp cho Bệnh viện Truyền máu Huyết học, kèm theo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải đối với hoạt động của cơ sở; là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Chủ cơ sở thực hiện hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường. Bệnh viện Truyền máu Huyết học có trách nhiệm tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch có liên quan, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước; thực hiện hoàn tất thủ tục đầu tư, quy hoạch, xây dựng, đất đai, pháp luật về xử lý, sắp xếp nhà, đất, tài sản,... (nếu có) đối với địa điểm hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan.

Thu

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Giấy phép môi trường có thể chấm dứt trước thời hạn trên theo kết quả giải quyết, xử lý có liên quan của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp Giấy phép môi trường có nội dung thay đổi, hoặc Giấy phép môi trường hết hạn, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp điều chỉnh, cấp lại theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và quy định khác liên quan.

Điều 4: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để báo cáo);
- Sở Y tế;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt;
- Trang thông tin điện tử của Sở NNMT;
- Bệnh viện Truyền máu Huyết học;
- Lưu: VT, CCBVMT.HV.06.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Toàn Thắng

PHỤ LỤC 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~1077~~.../GPMT-SNNMT-CCBVM
ngày ...~~06~~ tháng ...~~3~~... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen từ bồn cầu, âu tiêu) phát sinh từ nhà vệ sinh của cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám từ lavabo, thoát sàn, tắm,..) phát sinh từ nhà vệ sinh của cơ sở.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động của căn tin.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của Bệnh viện (xét nghiệm, khoa thủ thuật chiết tách, phòng mổ,...).
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ quá trình rửa ngược hệ thống lọc thô, hoàn nguyên hạt nhựa của hệ thống lọc RO.
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thùng rác, sàn chứa rác.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh hồ cảnh quan.

Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải gồm pH, BOD₅ (20°C), COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được đầu nối vào cống thoát nước khu vực trên đường DK3 (Trần Hữu Nghiệp) sau đó chảy ra kênh 10.

2.2. Vị trí xả nước thải: Bệnh viện Truyền máu Huyết học tại địa chỉ số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰):
X = 1.184.445; Y = 590.250.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: theo công suất thiết kế 360 m³/ngày đêm (lưu lượng xả thải thực tế trung bình theo báo cáo của Bệnh viện là 220 m³/ngày đêm).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K=1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50		
3	COD	mg/L	100		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
10	Tổng coliforms	MPN /100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn /100 ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100 ml	KPH		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước thải đen từ bồn cầu, âu tiêu) phát sinh từ nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom qua ống thoát nước PVC dẫn về 05 bể tự hoại (tổng thể tích 190 m³) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước thải xám từ lavabo, thoát sàn, tắm,..) phát sinh từ nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom qua ống thoát nước PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ căn tin của cơ sở được thu gom qua ống thoát nước PVC dẫn về bể tách mỡ (tổng thể tích 57 m³) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tách mỡ theo đường ống PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh, hoạt động chuyên môn của bệnh viện (xét nghiệm, khoa thủ thuật chiết tách, phòng mổ),... được thu gom qua ống thoát nước PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa ngược hệ thống lọc thô, hoàn nguyên hạt nhựa của hệ thống lọc RO được thu gom qua ống thoát nước PVC, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh thùng rác, sàn chứa rác theo đường ống thoát nước PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh hồ cảnh quan theo đường ống thoát nước PVC dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 360m³/ngày đêm để xử lý.



Thị

Nước thải sau khi xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 360 m³/ngày đêm tự chảy theo đường ống PVC vào hố ga nước thải sau xử lý (bằng bê tông cốt thép, kích thước 700mm × 700mm × 700mm), sau đó theo đường ống PVC chảy vào hố ga thoát nước chung của khu vực (hố ga bê tông cốt thép, kích thước 900mm × 900mm × 2.100mm) trên đường DK3 (Trần Hữu Nghiệp), xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó tự chảy theo đường cống bê tông cốt thép xả ra kênh 10.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể MBR → Bể khử trùng → Hố ga nước thải sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (Cống thoát nước khu vực trên đường DK3 (Trần Hữu Nghiệp) → Kênh 10).

- Công suất thiết kế: 360 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine dạng viên, Javen (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Lắp ráp thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên để có thiết bị dự phòng khi cần thiết và hạn chế tối đa việc hỏng hóc thiết bị hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra hiệu quả xử lý của các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả.

- Giám sát hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra. Vận hành bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo dõi hệ thống thường xuyên.

- Khi phát hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa, bể thu gom và tiến hành khắc phục, sửa chữa, kết hợp đơn vị chuyên môn cải tạo lại hệ thống nếu cần thiết. Trường hợp khắc phục sự cố kéo dài, cơ sở cam kết sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A, Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở; đấu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải; xây dựng hồ ga đấu nối nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



11/11/2025

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...~~1077~~.../GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ...~~06~~... tháng ...~~3~~... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải, mùi từ ống thoát khí từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Bệnh viện Truyền máu Huyết học tại địa chỉ số 01 Trần Hữu Nghiệp, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dòng khí thải: Tương ứng với ống thoát khí từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải, tọa độ vị trí xả thải: X = 1.184.535; Y = 590.183.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1.206 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải xả ra môi trường qua 01 ống thoát khí thải theo phương thức quạt cưỡng bức, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Chất lượng khí thải, mùi trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 0,8$) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac (NH ₃)	mg/Nm ³	40	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, sửa đổi tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)
2	Hydro sunphua (H ₂ S)	mg/Nm ³	6,0		
3	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	15		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Mùi, khí thải được thu gom qua đường ống bằng nhựa uPVC bằng quạt hút về hệ thống xử lý mùi, khí thải để xử lý, sau đó thoát ra môi trường bên ngoài qua ống thoát khí thải bằng nhựa uPVC đường kính 90mm, chiều cao 6,2m so với mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải: Hệ thống xử lý mùi, khí thải từ Trạm xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải → đường ống thu gom (Quạt hút) → tháp xử lý (than hoạt tính) → Ống thoát khí.

- Hóa chất, vật liệu: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi tại khoản 47 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị, kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục, sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.
- Theo dõi, giám sát hoạt động của máy phát điện dự phòng; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3.4. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Nguyễn

PHỤ LỤC 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...1077.../GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ..06 tháng ..3... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 1.000 kVA.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy bơm, máy thổi khí, quạt hút mùi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút tủ pha thuốc cấp 3 số 1.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút tủ pha thuốc cấp 3 số 2.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút tủ an toàn sinh học cấp 2.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quạt hút tủ hút khí độc.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	Không	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	60	55	Không	Khu vực đặc biệt

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị giới hạn cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà điều hành (phòng kín), lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su.

- Máy phát điện dự phòng được bố trí trong phòng kín, cách âm; nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông chất lượng cao, lắp đặt miếng đệm cao su dưới chân máy, có vỏ cách âm bên ngoài; thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy theo định kỳ.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng thiết bị, máy móc định kỳ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của cơ sở, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của cơ sở.

PHỤ LỤC 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...1077.../GPMT-SNNMT-CCBVMT
ngày ...06 tháng 5... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	101.625

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) không lây nhiễm phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	32
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	60
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	20
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	22
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	12
6	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	36
7	Bao bì cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải bằng các vật liệu khác (như composit)	18 01 04	250

8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	90
Tổng khối lượng			522

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải cống kênh	500
2	Chất thải rắn thông thường (giấy, bìa, chai nhựa truyền dịch, dây nhựa truyền dịch, hộp thuốc)	2.500
3	Chất thải rắn từ quá trình lọc thô	980
4	Nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng	100
5	Than hoạt tính thải bỏ	20
6	Bùn thải từ bể tự hoại	140.525
7	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	5.971
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	34.930
Tổng cộng		185.526

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 583.270 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa có dung tích 20 lít, 240 lít, bên ngoài thùng được dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 20/2021-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài

MD

nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 45 m².
- Vị trí: Trong khuôn viên bệnh viện tại khối nhà phụ trợ.
- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn bê tông bảo đảm kín khí, có trần làm bằng bê tông, cách nhiệt, che kín nắng, mưa; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, có vật liệu hấp thụ như cát khô; có lắp đặt máy lạnh, có cửa khóa, biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị đầy đủ thùng chứa dung tích 240 lít, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 9 m².
- Vị trí: Trong khuôn viên bệnh viện tại khối nhà phụ trợ.
- Thiết kế, cấu tạo: Mặt sàn bê tông bảo đảm kín khí, trần làm bằng bê tông, cách nhiệt, che kín nắng, mưa; có gờ chống tràn đảm bảo không chảy tràn ra bên ngoài khi có sự cố; có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định; bố trí dụng cụ phòng cháy chữa cháy và vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn hóa chất ở thể lỏng, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn cồng kềnh (như giường, tủ, ghế, nệm thải,...): khi có phát sinh được lưu chứa tạm thời trước kho chất thải tái chế tại khối nhà phụ trợ có diện tích khoảng 7m² (có mái che) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý trong ngày.

- Chất thải rắn có khả năng tái chế (giấy, bìa carton, chai nhựa truyền dịch, dây nhựa truyền dịch, hộp thuốc,...) và chất thải rắn thông thường (chất thải rắn từ quá trình lọc thô, nhựa trao đổi ion đã bão hòa hay đã qua sử dụng, than hoạt



Handwritten signature in blue ink.

tính thải) được lưu giữ tại kho chất thải tại khối nhà phụ trợ có diện tích 32m², nên bê tông chống thấm, gờ chống tràn để tránh nước từ kho chứa đi vào đường nước mưa (có chia vách ngăn giữa 2 loại chất thải).

- Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại được lưu chứa trong bể tự hoại có tổng thể tích là 190 m³.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải, thể tích 58,1m³ (cơ sở đã thực hiện phân định bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không phải là chất thải nguy hại).

- Dầu mỡ thải được nhân viên vớt thủ công từ bể tách mỡ vào bồn chứa bằng nhựa dung tích 200 lít, có nắp đậy.

Các loại chất thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

2.4. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.4.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng chứa dung tích 20 lít, 60 lít tại các phòng khám, khuôn viên bệnh viện và thùng chứa dung tích 240 lít tại kho chứa chất thải.

2.4.2. Kho lưu chứa

- Diện tích: 52 m².

- Vị trí: Trong khuôn viên bệnh viện tại khối nhà phụ trợ.

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông chống thấm, có mái che, gờ chống tràn để tránh nước từ kho chứa đi vào đường thoát nước mưa, có lắp đặt phễu thu nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thùng rác, vệ sinh kho lưu chứa dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021-BYT của Bộ Y tế, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thoát khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau

sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.





PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...10777.../GPMT-SNNMT-CCBVMT ngày ...06... tháng ...3... năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 01 tháng 06 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với dự án “Xây dựng mới Bệnh viện Truyền máu Huyết học (cơ sở 2)”, không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện; không còn hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.

4. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng gián đoạn trong trường hợp mất điện) không có hệ thống xử lý khí thải, tuy nhiên nhiên liệu sử dụng phải là nhiên liệu sạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về an toàn lao động, quản lý hóa chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết. /

[Handwritten signature]